

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thanh Hóa
đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ "Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065" với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

a) Phạm vi nghiên cứu gián tiếp:

Nghiên cứu vai trò, vị thế tỉnh Thanh Hoá trong mối quan hệ phát triển với không gian kinh tế xã hội các khu vực liền kề: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng duyên Hải Bắc Bộ, vùng biên giới Việt - Lào; vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ; các mối liên hệ về kinh tế với khu vực miền Trung nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Đông Bắc Thái Lan;

b) Phạm vi nghiên cứu trực tiếp:

Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Thanh Hoá

Phía Bắc giáp các tỉnh Sơn La, Hoà Bình và Ninh Bình;

Phía Nam giáp tỉnh Nghệ An;

Phía Tây giáp tỉnh Hủa Phăn của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào;

Phía Đông là Vịnh Bắc Bộ.

Tỉnh Thanh Hóa có 27 đơn vị hành chính gồm 1 thành phố tỉnh lỵ loại I và 2 đô thị loại III trực thuộc tỉnh, 24 huyện, với tổng diện tích tự nhiên 11.129,48 km², dân số thống kê năm 2015 khoảng 3,513 triệu người, chiếm 3,36% diện tích và 3,86% dân số cả nước.

2. Mục tiêu:

Cụ thể hoá Điều chỉnh quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá lần thứ XVIII:

- Phát huy tiềm năng, lợi thế và vị trí chiến lược; khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội, ngoại vùng, quan hệ quốc tế và các thế mạnh về đầu mối giao thông, công nghiệp, du lịch, nông lâm nghiệp của tỉnh Thanh Hoá để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, toàn diện, từng bước tạo sự chuyển biến về chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh hiệu quả của nền kinh tế. Phân đấu đến năm 2020 trở thành tỉnh khá của cả nước, đến năm 2030 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp, có cơ cấu hợp lý, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chủ yếu đồng bộ, hiện đại.

- Xây dựng cấu trúc không gian vùng lãnh thổ hợp lý, liên kết đô thị, điểm dân cư nông thôn, liên kết các cực tăng trưởng kinh tế; tập trung phát triển các vùng kinh tế động lực gồm khu kinh tế Nghi Sơn, thành phố Thanh Hóa - Sầm Sơn, Lam Sơn - Sao Vàng, Bỉm Sơn - Thạch Thành; đảm bảo sự phát triển cân đối hài hòa giữa đô thị và nông thôn, đảm bảo tính ổn định, phát triển bền vững; kết hợp chặt chẽ việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội.

- Là cơ sở để triển khai lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn và quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng. Xây dựng các chương trình phát triển đô thị.

3. Yêu cầu về dự báo sơ bộ quy mô phát triển vùng

a) Dự báo sơ bộ về quy mô dân số

- Dự báo đến năm 2020: Khoảng 3.634.000 người; dân số nội thị 1.272.000 người; tỷ lệ đô thị hóa 35%.

- Dự báo đến năm 2025: Khoảng 3.750.000 người; dân số nội thị 1.687.000 người; tỷ lệ đô thị hóa 45%.

- Dự báo đến năm 2030: Khoảng 3.900.000 người; dân số nội thị 1.950.000 người; tỷ lệ đô thị hóa 50%.

- Dự báo đến năm 2035: Khoảng 4.050.000 người; dân số nội thị 2.227.500 người; tỷ lệ đô thị hóa 55%.

b) Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai

- Dự báo quỹ đất xây dựng đô thị: Đến năm 2020 khoảng 15.000 ha, đến năm 2025 khoảng 22.000 ha, đến năm 2030 khoảng 28.500 ha. Đến năm 2035 khoảng 32.000 ha.

- Dự báo quy mô đất đai khu công nghiệp tập trung: Đến năm 2020 khoảng 5.000 ha.

Cơ cấu sử dụng đất đô thị: Thực hiện theo quy chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

4. Yêu cầu nội dung nghiên cứu

a) Yêu cầu về phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng vùng:

- Phân tích, đánh giá mối quan hệ liên kết giữa Thanh Hoá với các vùng lân cận, nêu rõ tiềm năng lợi thế của tỉnh trong tổng thể liên kết về không gian kinh tế, xã hội, kết nối giao thông và hạ tầng kỹ thuật quốc gia. Đặc thù của từng vùng miền trong tỉnh.

- Rà soát và đánh giá các đề án, các cơ chế chính sách quản lý và phát triển theo quy hoạch của tỉnh, các quy hoạch xây dựng đã có, dự án đầu tư cấp quốc gia, các dự án cấp tỉnh đã và đang triển khai. Đánh giá tính hiệu quả, sự phù hợp với tổng thể chung trong thời kỳ mới.

- Đánh giá khu vực miền núi phía Tây về tiềm năng và định hướng phát triển; các khu vực bãi ngang ven biển, xác định các thách thức phát triển khu vực ven biển trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng.

b) Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng:

- Dự báo phát triển không gian vùng, những xu thế phát triển mới, các dự báo chiến lược lớn của Quốc gia về phát triển kinh tế vùng Bắc Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.



- Đối với vùng đô thị trung tâm, bao gồm thành phố Thanh Hóa - Sầm Sơn và khu vực phụ cận: Là trung tâm chính trị, văn hoá, kinh tế, an ninh quốc phòng, tập trung các hoạt động thương mại và trung tâm du lịch.

- Đối với các vùng kinh tế động lực còn lại, bao gồm:

+ Trục quốc lộ 1A: Từ thị xã Bỉm Sơn đi thành phố Thanh Hóa đến Khu Kinh tế Nghi Sơn, ưu tiên phát triển các khu công nghiệp xanh, sạch, kết nối các tuyến đường ngang nối quốc lộ 1A với các khu du lịch ven biển, đồng thời hình thành các trung tâm dịch vụ, các cơ sở đào tạo nghề và y tế chất lượng cao;

+ Trục đường Hồ Chí Minh: Từ Thạch Thành đi Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Lam Sơn - Sao Vàng, Bãi Trành, với hạt nhân là đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao tại Lam Sơn - Sao Vàng và các dự án chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến khoáng sản... tại các đô thị khác. Kết hợp phát triển các vùng nông nghiệp công nghệ cao;

+ Trục quốc lộ 45 và 47: Từ thị xã Sầm Sơn đi thành phố Thanh Hóa đến Khu Công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng. Hình thành các đô thị tập trung hiện đại, các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và các khu công nghiệp công nghệ cao, các trung tâm dịch vụ và Du lịch.

- Đối với các đô thị: Nghiên cứu định hướng phân bố hệ thống đô thị, hình thái phát triển đô thị với đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh hỗ trợ các chức năng chuyên ngành gắn với 4 vùng kinh tế động lực đã xác định. Đề xuất quy mô, tính chất, chức năng từng đô thị trên cơ sở điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, mối liên kết giao thông, hình thành các cụm đô thị để hỗ trợ chia sẻ trong không gian kinh tế - kỹ thuật đô thị toàn tỉnh.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn: Đề xuất mô hình khu ở dân cư nông thôn điển hình theo tiêu chuẩn “Nông thôn mới” có nghiên cứu bổ sung các tiêu chí đặc thù của Thanh Hoá.

- Đối với các vùng sản xuất công nghiệp: Đề xuất phân bố các vùng công nghiệp công nghệ cao, vùng công nghiệp chuyên ngành và vùng công nghiệp đa ngành gắn với 4 cực động lực kinh tế và 3 trục phát triển kinh tế đã xác định. Đề xuất phân bố các cụm công nghiệp vừa và nhỏ gắn với cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- Đối với các khu sản xuất nông, lâm ngư nghiệp: Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng, thị trấn Thống Nhất và dọc tuyến đường Hồ Chí Minh. Phân bố các vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản nhằm tạo ra các vùng sản xuất chuyên canh lớn, sản xuất tập trung.

- Đối với phát triển các vùng du lịch: Tập trung phát triển dịch vụ du lịch biển, nghỉ dưỡng tại Sầm Sơn, Hoàng Hoá, Tĩnh Gia; du lịch văn hóa gắn với Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, Di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh; hang Con Moong; đền Bà Triệu; du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Bến En, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, Pù Luông, Xuân Liên, Hòn Mê. Ưu tiên phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch cao cấp, chất lượng cao tại các khu, điểm du lịch; trọng tâm là thu hút các dự án các khu resort, nhà hàng cao cấp và các khu vui chơi giải trí.

c) Yêu cầu về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

- Về định hướng giao thông

+ Phân tích mô hình phát triển giao thông, xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết các vùng kinh tế động lực của tỉnh đã xác định. Lựa chọn khung giao thông để phát triển các vùng mới, các trung tâm đô thị mới, tạo mối liên hệ hợp lý giữa đô thị trung tâm với vùng và liên kết với các hành lang giao thông lớn của Quốc gia;

+ Đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng giao thông đáp ứng nhu cầu giao thông tăng cao trong thời kỳ phát triển mới. Đánh giá thực trạng và nêu định hướng khai thác thế mạnh giao thông đường thủy của sông Chu, sông Mã và biển Đông.

- Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

+ Phân tích, đánh giá về địa hình, các biến động về địa chất, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng;

+ Đề xuất hệ thống khung và các công trình đầu mối về thoát nước mặt. Xác định các lưu vực, hướng thoát nước chính và các công trình tiêu thoát nước đầu mối. Các giải pháp giải quyết các vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát để đảm bảo phát triển bền vững.

- Về định hướng quy hoạch cấp nước:

+ Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị trung tâm, đô thị đối trọng và các đô thị vệ tinh khác giai đoạn đến năm 2035;



+ Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm.

- Về định hướng quy hoạch cấp điện:

Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo.

- Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

Dự báo, điều chỉnh bổ sung công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị trung tâm giai đoạn đến năm 2035. Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn và nghĩa trang cấp vùng.

d) Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược

Đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do quy hoạch tạo ra. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường bảo đảm các quy chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Thành phần hồ sơ

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án quy hoạch thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.

6. Tổ chức thực hiện:

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Thời gian lập quy hoạch: Không quá 15 tháng từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch, lựa chọn đơn vị tư vấn; phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2065.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công T.Đ.Đ., các Vụ: TH, KTTH, KGVX, V.III;
- Lưu: VT, KTN (3b).xh 38

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng

www.LuatVietnam.vn